

Số: *114* /QĐ-LĐLĐ

Kiên Giang, ngày *11* tháng *12* năm 2018

QUYẾT ĐỊNH
Về việc ban hành Quy chế Khen thưởng của
Liên đoàn Lao động tỉnh Kiên Giang

BAN THƯỜNG VỤ LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG TỈNH KIÊN GIANG

- Căn cứ Luật Thi đua, khen thưởng năm 2003; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng năm 2013; Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ, quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng;

- Căn cứ Quyết định số 2106/QĐ-TLĐ ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Đoàn Chủ tịch Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam về việc ban hành Quy chế Khen thưởng của tổ chức Công đoàn;

Xét đề nghị của Ban Chính sách - Pháp luật Liên đoàn Lao động tỉnh.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Ban hành Quy chế Khen thưởng của Liên đoàn Lao động tỉnh Kiên Giang.

Điều 2. Quyết định này thay thế Quyết định số 410/QĐ-LĐLĐ ngày 8 tháng 7 năm 2015 của Ban Thường vụ Liên đoàn Lao động tỉnh Kiên Giang và có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Cán bộ, đoàn viên và các cấp Công đoàn; các Ban, đơn vị trực thuộc Liên đoàn Lao động tỉnh chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *./.*

Nơi nhận: *idat*

- Tổng LĐLĐVN “để báo cáo”;
- UVBTV LĐLĐ tỉnh;
- Như điều 3.

Đồng kính gửi:

- Trưởng Ban Dân vận TU;
- Ban TĐ-KT tỉnh KG;
- Lưu VT, CS-PL.



TM. BAN THƯỜNG VỤ
CHỦ TỊCH

Trần Thanh Việt

QUY CHẾ KHEN THƯỞNG

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 114/QĐ-LĐLĐ ngày 11 tháng 12 năm 2018
của Ban Thường vụ Liên đoàn Lao động tỉnh Kiên Giang)*

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định về danh hiệu thi đua và tiêu chuẩn các danh hiệu thi đua; hình thức, đối tượng và tiêu chuẩn khen thưởng của tổ chức Công đoàn; tiêu chuẩn danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng của Nhà nước áp dụng trong bình xét khen thưởng và đề nghị cấp trên khen thưởng cho tập thể, cá nhân thuộc hệ thống Công đoàn; Hội đồng thi đua khen thưởng các cấp; thẩm quyền quyết định, trình tự thủ tục hồ sơ đề nghị khen thưởng; quỹ thi đua khen thưởng và quản lý quỹ thi đua khen thưởng của Liên đoàn Lao động tỉnh Kiên Giang.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy chế này áp dụng với tất cả đoàn viên công đoàn; cán bộ, công chức, viên chức, công nhân, lao động và tổ chức Công đoàn các cấp; tổ chức, cá nhân trong nước, ngoài nước, tổ chức quốc tế và người có công xây dựng tổ chức Công đoàn Việt Nam.

Điều 3. Phát động thi đua, đăng ký thi đua

- Hằng năm, các cấp Công đoàn tổ chức phát động thi đua, ký kết giao ước thi đua, đăng ký thi đua và gửi bản đăng ký thi đua về Công đoàn cấp trên trực tiếp.

- Liên đoàn Lao động huyện, thị, thành phố; Công đoàn ngành; CĐCS trực thuộc Liên đoàn Lao động tỉnh, gửi bản đăng ký thi đua về Liên đoàn Lao động tỉnh trước 10/2 hằng năm.

Điều 4. Nguyên tắc khen thưởng và căn cứ để xét khen thưởng

1. Khen thưởng phải căn cứ vào điều kiện, tiêu chuẩn và thành tích đạt được, không nhất thiết phải có hình thức khen thưởng mức thấp mới được khen thưởng mức cao hơn. Chú trọng khen thưởng cho công đoàn cơ sở, nhất là khu vực doanh nghiệp ngoài nhà nước, cá nhân là người trực tiếp lao động, sản xuất, công tác và cá nhân có nhiều sáng kiến, sáng tạo trong lao động, sản xuất, công tác.

2. Khi xét khen thưởng người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị phải căn cứ vào thành tích của tập thể do cá nhân đó lãnh đạo.

3. Khi có nhiều cá nhân, tập thể cùng đủ điều kiện, tiêu chuẩn khen thưởng và thành tích ngang nhau thì lựa chọn cá nhân nữ và tập thể có tỷ lệ nữ từ 70% trở

lên để xét khen thưởng. Đối với nữ là cán bộ lãnh đạo, quản lý, thời gian giữ chức vụ để xét khen thưởng có quá trình cống hiến được giảm 1/3 thời gian so với quy định chung.

4. Không tặng thưởng nhiều hình thức cho một thành tích đạt được, trong một năm công tác, một đối tượng có thể được nhiều cấp ra quyết định khen thưởng với các danh hiệu hoặc hình thức khen thưởng khác nhau, nhưng trong một cấp quyết định khen thưởng khi đã được khen thưởng toàn diện thì không được khen thưởng chuyên đề và ngược lại (trừ khen thưởng vào dịp sơ kết, tổng kết chuyên đề theo đợt, theo giai đoạn). Hình thức khen thưởng theo đợt, chuyên đề không tính làm điều kiện, tiêu chuẩn đề nghị khen thưởng mức cao hơn mà chỉ được ghi nhận và ưu tiên khi xét khen thưởng hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng.

5. Liên đoàn Lao động tỉnh chỉ khen thưởng cho tập thể, cá nhân thuộc sự quản lý trực tiếp của Công đoàn ngành Trung ương, Công đoàn Tổng Công ty trực thuộc Tổng Liên đoàn khi tiến hành phát động thi đua theo chuyên đề; không khen thưởng thường xuyên cho tập thể, cá nhân trực thuộc sự quản lý trực tiếp của Công đoàn ngành Trung ương, Công đoàn Tổng Công ty trực thuộc Tổng Liên đoàn và ngược lại.

6. Thời gian trình khen thưởng cho lần tiếp theo được tính theo thời gian lập được thành tích ghi trong quyết định khen thưởng lần trước. Đối với quyết định khen thưởng không ghi thời gian lập được thành tích thì thời gian trình khen thưởng lần sau được tính theo thời gian ban hành quyết định khen thưởng lần trước.

Chương II

DANH HIỆU THI ĐUA VÀ HÌNH THỨC KHEN THƯỞNG

Điều 5. Danh hiệu thi đua

1. Danh hiệu thi đua của Công đoàn gồm có:

1.1 Danh hiệu thi đua đối với cá nhân: “Đoàn viên Công đoàn xuất sắc”.

1.2 Danh hiệu thi đua đối với tập thể:

- “Cờ thi đua của Tổng Liên đoàn”;
- “Cờ thi đua của Liên đoàn Lao động tỉnh”;
- “CĐCS vững mạnh”; “Nghịệp đoàn cơ sở vững mạnh” (gọi chung là “CĐCS vững mạnh”);
- “Tổ Công đoàn xuất sắc”, “Tổ Nghệp đoàn xuất sắc”, “Công đoàn bộ phận xuất sắc”, “Nghệp đoàn bộ phận xuất sắc” (gọi chung là “Tổ Công đoàn xuất sắc”).

2. Danh hiệu vinh dự và danh hiệu thi đua của Nhà nước áp dụng bình xét khen thưởng và đề nghị cấp trên khen thưởng trong tổ chức công đoàn.

2.1 Danh hiệu vinh dự Nhà nước đối với tập thể, cá nhân:

- “Anh hùng lao động”;
- “Nhà giáo nhân dân”, “Nhà giáo ưu tú”;
- “Thầy thuốc nhân dân”, “Thầy thuốc ưu tú”;

- “Nghệ sĩ nhân dân”, “Nghệ sĩ ưu tú”;
- “Nghệ nhân nhân dân”, “Nghệ nhân ưu tú”.

2.2 Danh hiệu thi đua đối với cá nhân:

- “Chiến sỹ thi đua toàn quốc”;
- “Chiến sỹ thi đua Tổng Liên đoàn”;
- “Chiến sỹ thi đua cơ sở”;
- “Lao động tiên tiến”.

2.3 Danh hiệu thi đua đối với tập thể:

- “Cờ thi đua của Chính phủ”;
- “Tập thể lao động xuất sắc”;
- “Tập thể lao động tiên tiến”.

Điều 6. Các hình thức khen thưởng

1. Hình thức khen thưởng của tổ chức Công đoàn gồm có:

- Bằng khen của Ban Chấp hành Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam (sau đây gọi là Bằng khen của Tổng Liên đoàn) ;
- Bằng khen của Ban Chấp hành Liên đoàn Lao động tỉnh (sau đây gọi là Bằng khen của Liên đoàn Lao động tỉnh);
- Bằng Lao động sáng tạo của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam (sau đây gọi là Bằng Lao động sáng tạo của Tổng Liên đoàn);
- Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp xây dựng tổ chức Công đoàn”;
- Giấy khen của Ban Chấp hành Liên đoàn Lao động huyện, thị, thành phố; Công đoàn ngành, công đoàn cơ sở; giấy khen của Thủ trưởng các đơn vị sự nghiệp, Giám đốc các doanh nghiệp thuộc Liên đoàn Lao động tỉnh;
- “Giải thưởng Nguyễn Đức Cảnh” của Tổng Liên đoàn;
- “Giải thưởng Nguyễn Văn Linh” của Tổng Liên đoàn;
- Giải thưởng của Liên đoàn Lao động tỉnh (nếu có).

2. Hình thức khen thưởng của Nhà nước áp dụng bình xét khen thưởng và đề nghị khen thưởng trong tổ chức Công đoàn

- Huân chương;
- Huy chương;
- Danh hiệu vinh dự Nhà nước;
- “Giải thưởng Hồ Chí Minh”, “Giải thưởng Nhà nước”;
- Kỷ niệm chương, Huy hiệu;
- Bằng khen;
- Giấy khen.

Chương III

KHEN THƯỞNG CỦA TỔ CHỨC CÔNG ĐOÀN

Mục 1

ĐỐI TƯỢNG, TIÊU CHUẨN XÉT TẶNG DANH HIỆU THI ĐUA

Điều 7. Danh hiệu “Đoàn viên công đoàn xuất sắc”

Danh hiệu *“Đoàn viên Công đoàn xuất sắc”* xét tặng cho cá nhân đạt các tiêu chuẩn sau:

1. Thực hiện tốt các nhiệm vụ của đoàn viên quy định tại Điều lệ CĐVN;
2. Hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao;
3. Có phẩm chất đạo đức tốt, gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, quy định của cơ quan, đơn vị;

Điều 8. Danh hiệu “Tổ Công đoàn xuất sắc”

Danh hiệu *“Tổ Công đoàn xuất sắc”* xét tặng cho tập thể đạt các tiêu chuẩn sau:

1. Hoàn thành tốt nhiệm vụ được Công đoàn giao;
2. Tích cực tham gia các phong trào thi đua do Công đoàn phát động;
3. Kịp thời phản ánh tâm tư, nguyện vọng và những đề xuất, kiến nghị của đoàn viên và người lao động với chuyên môn đồng cấp và Công đoàn cấp trên;
4. Giữ vững sinh hoạt, nội bộ đoàn kết, giúp nhau khi gặp khó khăn; không có đoàn viên vi phạm chính sách, pháp luật của Nhà nước và các quy định của Công đoàn, cơ quan, đơn vị.

Điều 9. Danh hiệu “Công đoàn cơ sở vững mạnh”

Danh hiệu *“Công đoàn cơ sở vững mạnh”* xét tặng cho công đoàn cơ sở đạt các tiêu chuẩn sau:

1. Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao;
2. Bảo đảm thu, chi, quản lý tài chính công đoàn đúng quy định của Nhà nước và của Công đoàn;
3. Thực hiện tốt chức năng đại diện, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của đoàn viên và người lao động;
4. Nội bộ đoàn kết; không có đoàn viên vi phạm chính sách, pháp luật của Nhà nước, các quy định của Công đoàn, cơ quan, đơn vị.

Điều 10. Danh hiệu “Cờ thi đua của Tổng Liên đoàn”

1. Đối với Công đoàn cơ sở:

Danh hiệu “Cờ thi đua của Tổng Liên đoàn” xét tặng cho CĐCS có thành tích xuất sắc tiêu biểu, được lựa chọn trong số những CĐCS đạt danh hiệu “CĐCS vững mạnh”.

2. Đối với Công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở:

Danh hiệu “Cờ thi đua của Tổng Liên đoàn” xét tặng cho công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở có thành tích xuất sắc, được bình chọn suy tôn dẫn đầu các cụm, khối thi đua do Liên đoàn Lao động tỉnh tổ chức.

Đối với Công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở, Công đoàn cơ sở tiêu biểu xuất sắc nhất, được Liên đoàn Lao động tỉnh xét chọn đề nghị Tổng Liên đoàn tặng cờ thi đua thì không được tặng Cờ thi đua của Liên đoàn Lao động tỉnh mà Liên đoàn Lao động tỉnh chỉ ban hành Quyết định công nhận đủ tiêu chuẩn tặng Cờ thi đua.

Điều 11. Danh hiệu “Cờ thi đua chuyên đề của Tổng Liên đoàn”

1. Các chuyên đề xét khen thưởng cờ thi đua hàng năm của Tổng Liên đoàn gồm:

- Chuyên đề “Xanh - Sạch - Đẹp, Bảo đảm an toàn vệ sinh lao động”;
- Chuyên đề “Văn hóa, Thể thao”.
- Chuyên đề “Giỏi việc nước, Đảm việc nhà” và các chuyên đề khác theo quy định của Đoàn Chủ tịch Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam.

2. Đối tượng được xét tặng “Cờ thi đua chuyên đề của Tổng Liên đoàn” hàng năm là: Công đoàn cơ sở.

3. Đoàn Chủ tịch Tổng Liên đoàn ban hành hướng dẫn riêng, quy định cụ thể về đối tượng, tiêu chuẩn, hồ sơ khen thưởng Danh hiệu Cờ thi đua cho từng chuyên đề của Tổng Liên đoàn.

Điều 12: Danh hiệu “Cờ thi đua của Liên đoàn Lao động tỉnh”.

“Cờ thi đua của Liên đoàn Lao động tỉnh” xét tặng cho Công đoàn cơ sở và Công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở đạt các tiêu chuẩn sau:

1. Đối với công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở:

- Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ công tác được Liên đoàn Lao động tỉnh công nhận.
- Có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua do Liên đoàn Lao động tỉnh tổ chức phát động.
- Dẫn đầu hoặc xuất sắc cụm, khối thi đua do Liên đoàn Lao động tỉnh thành lập.

2. Đối với CĐCS cơ sở:

- Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ công tác được Liên đoàn Lao động tỉnh, công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở công nhận.
- Có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua do Liên đoàn Lao động tỉnh, công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở tổ chức phát động.
- Dẫn đầu cụm, khối thi đua do Liên đoàn Lao động tỉnh thành lập hoặc Công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở thành lập.

Điều 13. Danh hiệu “Cờ thi đua chuyên đề của Liên đoàn Lao động tỉnh”.

1. Các chuyên đề xét khen thưởng cờ thi đua hàng năm của Liên đoàn Lao động tỉnh gồm:

- Chuyên đề “Xanh - Sạch - Đẹp, Bảo đảm an toàn vệ sinh lao động”;
- Chuyên đề “Văn hóa, Thể thao”;
- Chuyên đề “Giỏi việc nước, Đảm việc nhà” và các chuyên đề khác.

2. Đối tượng được xét tặng “Cờ thi đua chuyên đề của Liên đoàn Lao động tỉnh” hàng năm là: Công đoàn cơ sở.

3. Tiêu chuẩn xét khen thưởng (có hướng dẫn riêng)

Mục 2 **ĐỐI TƯỢNG, TIÊU CHUẨN** **XÉT TẶNG CÁC HÌNH THỨC KHEN THƯỞNG**

Điều 14. Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp xây dựng tổ chức Công đoàn”

Ban thường vụ Liên đoàn Lao động tỉnh ban hành hướng dẫn riêng về xét tặng Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp xây dựng tổ chức Công đoàn”.

Điều 15. Bằng khen của Tổng Liên đoàn

1. Bằng khen của Tổng Liên đoàn xét tặng cho cá nhân đạt các tiêu chuẩn sau:

- Hai năm liên tục (tính cả năm đề nghị khen thưởng) hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, trong thời gian đó có 02 sáng kiến được công nhận và áp dụng hiệu quả trong phạm vi cấp cơ sở.

- Năm trước liền kề thời điểm đề nghị khen thưởng Bằng khen của Tổng Liên đoàn đã được tặng Bằng khen của Liên đoàn Lao động tỉnh.

2. Bằng khen của Tổng Liên đoàn xét tặng cho công nhân, lao động xuất sắc, tiêu biểu trong số công nhân, lao động có 02 năm liên tục đạt danh hiệu đoàn viên công đoàn xuất sắc, năm trước liền kề thời điểm đề nghị khen thưởng Bằng khen của Tổng Liên đoàn đã được tặng Bằng khen hoặc Giấy khen của công đoàn cấp đề nghị hoặc được tặng Bằng Lao động sáng tạo của Tổng Liên đoàn.

3. Bằng khen của Tổng Liên đoàn xét tặng cho tập thể từ CDCS trở lên đạt các tiêu chuẩn sau:

- Chấp hành tốt Điều lệ Công đoàn Việt Nam, Nghị quyết của Công đoàn; chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, nội bộ đoàn kết;

- Hai năm liên tục hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ (tính cả năm đề nghị khen thưởng); tổ chức tốt các phong trào thi đua, thực hiện tốt chức năng đại diện, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của đoàn viên và người lao động; chăm lo tốt phúc lợi cho đoàn viên và người lao động.

- Năm trước liền kề thời điểm đề nghị khen thưởng Bằng khen của Tổng Liên đoàn đã được tặng Bằng khen của Liên đoàn Lao động tỉnh và năm đề nghị khen thưởng được xếp loại vững mạnh.

Điều 16. Bằng khen chuyên đề của Tổng Liên đoàn

1. Các chuyên đề được xét tặng Bằng khen của Tổng Liên đoàn hàng năm gồm:

- Chuyên đề “Xanh - Sạch - Đẹp, Bảo đảm an toàn vệ sinh lao động”;
- Chuyên đề “Văn hóa, Thể thao”;
- Chuyên đề “Giỏi việc nước, Đảm việc nhà” và các chuyên đề khác theo quy định của Đoàn Chủ tịch Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam.

2. Đối tượng được xét tặng Bằng khen chuyên đề hàng năm gồm: Công đoàn cơ sở và cá nhân thuộc các đơn vị này.

Điều 17. Bằng khen của Liên đoàn Lao động tỉnh

1. Bằng khen của Liên đoàn Lao động tỉnh xét tặng cho cá nhân đạt các tiêu chuẩn sau:

- Có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua và hoạt động Công đoàn, là gương điển hình trong CNVCLĐ của ngành, địa phương, đơn vị;
- Hai năm liên tục (tính cả năm đề nghị khen thưởng) hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, đạt danh hiệu “Đoàn viên công đoàn xuất sắc”; đã được tặng Giấy khen của công đoàn cấp đề nghị.

2. Bằng khen của Liên đoàn Lao động tỉnh xét tặng cho tập thể đạt các tiêu chuẩn sau:

- Đạt thành tích xuất sắc tiêu biểu trong phong trào thi đua và hoạt động công đoàn do Liên đoàn Lao động tỉnh tổ chức.
- Năm trước thời điểm đề nghị khen thưởng đã được tặng Giấy khen và năm đề nghị khen thưởng, tập thể công đoàn được đánh giá chất lượng hoạt động công đoàn xếp loại vững mạnh.

Điều 18. Bằng khen chuyên đề của Liên đoàn Lao động tỉnh

1. Các chuyên đề xét tặng Bằng khen Liên đoàn Lao động hàng năm gồm:

- Chuyên đề “Xanh - Sạch - Đẹp, Bảo đảm an toàn vệ sinh lao động”;
- Chuyên đề “Văn hóa, Thể thao”;
- Chuyên đề “Giỏi việc nước, Đảm việc nhà”.

2. Đối tượng được xét tặng Bằng khen chuyên đề hàng năm gồm: Công đoàn cơ sở và cá nhân có thành tích xuất sắc thuộc các đơn vị này.

3. Tiêu chuẩn xét chọn :

Ban thường vụ Liên đoàn Lao động tỉnh ban hành hướng dẫn riêng quy định về đối tượng, tiêu chuẩn, hồ sơ khen thưởng đối với từng chuyên đề.

Điều 19. Giấy khen

1. Đối với cá nhân: Đạt các tiêu chuẩn sau:

- Hoàn thành tốt các nhiệm vụ của đoàn viên quy định tại Điều lệ Công đoàn Việt Nam;

- Là điển hình xuất sắc tiêu biểu của cơ quan, đơn vị, Công đoàn ngành cấp tỉnh, LĐLĐ cấp huyện và tương đương.

2. Đối với tập thể: Đạt các tiêu chuẩn sau:

- Hoàn thành tốt các nhiệm vụ của công đoàn được quy định tại Điều lệ Công đoàn Việt Nam;

- Là tập thể xuất sắc tiêu biểu của cơ quan, đơn vị, Công đoàn ngành cấp tỉnh, LĐLĐ cấp huyện và tương đương.

Điều 20. Bằng Lao động sáng tạo của Tổng Liên đoàn

Bằng lao động sáng tạo của Tổng Liên đoàn được xét tặng hàng năm cho cá nhân là đoàn viên Công đoàn thực hiện tốt các nhiệm vụ của đoàn viên và đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

1. Có đề tài khoa học cấp cơ sở, sáng kiến (gọi tắt là giải pháp) được ứng dụng vào thực tế mang lại hiệu quả kinh tế thiết thực, được cấp có thẩm quyền công nhận và giá trị làm lợi tính theo từng đối tượng cụ thể sau:

1.1 Đối với đoàn viên là CNVCLĐ có trình độ chuyên môn từ cao đẳng trở xuống, không giữ chức vụ lãnh đạo, có từ 01 giải pháp trở lên với tổng giá trị làm lợi từ 80 triệu đồng trở lên hoặc 03 năm liên tục có giải pháp, sáng kiến với tổng giá trị làm lợi từ 120 triệu đồng trở lên;

1.2 Đối với đoàn viên là cán bộ, công chức, viên chức, lao động có trình độ chuyên môn từ Đại học trở lên, không giữ chức vụ lãnh đạo quản lý, có từ 01 giải pháp trở lên với tổng giá trị làm lợi từ 150 triệu đồng trở lên;

1.3 Đối với đoàn viên là cán bộ lãnh đạo quản lý (giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý có phụ cấp từ 0,3 trở lên đối với đơn vị hành chính, sự nghiệp và giữ chức vụ Giám đốc, phó Giám đốc doanh nghiệp và tương đương trở lên đối với các loại hình doanh nghiệp) có từ 01 giải pháp trở lên với tổng giá trị làm lợi từ 200 triệu đồng trở lên hoặc có giải pháp cải tiến quản lý về tổ chức sản xuất áp dụng vào thực tế mang lại hiệu quả kinh tế - xã hội cao được cấp tỉnh, bộ, ngành Trung ương công nhận.

1.4 Đối với những Đề tài khoa học cấp tỉnh, Bộ, có nhiều thành viên tham gia sau khi được nghiệm thu và ứng dụng vào thực tế mang lại hiệu quả kinh tế - xã hội cao, được Thủ trưởng cơ quan, đơn vị nơi ứng dụng đề tài khoa học đó xác nhận thì tác giả là Chủ nhiệm đề tài và thành viên có mức đóng góp trên 60% cho đề tài được xem xét đề nghị khen thưởng.

1.5 Đối với những đề tài khoa học cấp Nhà nước có nhiều thành viên tham gia sau khi được nghiệm thu và ứng dụng vào thực tế mang lại hiệu quả kinh tế - xã hội cao, được Thủ trưởng cơ quan, đơn vị nơi ứng dụng đề tài khoa học đó xác nhận thì tác giả là Chủ nhiệm đề tài và thành viên có mức đóng góp từ 50% trở lên cho đề tài được xem xét đề nghị khen thưởng.

1.6 Đối với đề tài lớn phải nghiên cứu nhiều năm hoặc phải chia làm nhiều đề tài nhánh, nếu đề tài nhánh được nghiệm thu đạt kết quả xuất sắc và mức độ đóng góp trên 30% cho đề tài lớn thì tác giả là chủ nhiệm đề tài nhánh cũng được xem xét đề nghị khen thưởng.

1.7 Có giải pháp công nghệ dự thi tại các cuộc thi khu vực và quốc tế, hội thi quốc gia hoặc hội thi cấp tỉnh, bộ, ngành Trung ương và đạt giải nhất, nhì, ba hoặc giải A, B, C trong các hội thi đó (*nếu giải pháp có từ 02 tác giả trở lên thì chỉ xét khen thưởng cho 01 cá nhân có tỷ lệ đóng góp cao nhất*).

1.8 Đối với sáng kiến ở các đơn vị không xác định được cụ thể giá trị làm lợi nhưng đã được ứng dụng vào thực tiễn mang lại hiệu quả kinh tế - xã hội cao, phạm vi ảnh hưởng rộng đến cấp tỉnh, thành phố, ngành Trung ương, được Thủ trưởng cơ quan, đơn vị nơi ứng dụng xác nhận hoặc cơ quan quản lý khoa học công nghệ của tỉnh, Bộ xác nhận thì tác giả của các sáng kiến đó được xem xét đề nghị khen thưởng.

Điều 21. Giải thưởng

1. “Giải thưởng Nguyễn Đức Cảnh” của Tổng Liên đoàn

1.1 “Giải thưởng Nguyễn Đức Cảnh” phần thưởng cao quý của Tổng Liên đoàn được xét, trao tặng cho công nhân, lao động trực tiếp sản xuất tại các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế có thành tích xuất sắc tiêu biểu nhất trong lao động sản xuất; có nhiều sáng kiến cải tiến kỹ thuật; tích cực đào tạo, kèm cặp, bồi dưỡng, giúp đỡ đồng nghiệp nâng cao trình độ tay nghề, chuyên môn nghiệp vụ góp phần xây dựng doanh nghiệp, đơn vị phát triển bền vững, xây dựng giai cấp công nhân và tổ chức công đoàn vững mạnh;

1.2 “Giải thưởng Nguyễn Đức Cảnh” được tổ chức trao tặng 5 năm 1 lần vào dịp “Tháng công nhân” của năm tổ chức Đại hội Công đoàn Việt Nam.

1.3 Một cá nhân chỉ được trao tặng Giải thưởng 01 lần;

1.4 Năm tổ chức trao tặng “Giải thưởng Nguyễn Đức Cảnh”, Đoàn Chủ tịch ban hành hướng dẫn riêng về xét, trao tặng “Giải thưởng Nguyễn Đức Cảnh”.

2. “Giải thưởng Nguyễn Văn Linh” của Tổng Liên đoàn

2.1 “Giải thưởng Nguyễn Văn Linh” phần thưởng cao quý của Tổng Liên đoàn được xét, trao tặng cho cán bộ công đoàn các cấp có thành tích đặc biệt xuất sắc, có sáng kiến, sáng tạo trong hoạt động Công đoàn góp phần xây dựng tổ chức Công đoàn và xây dựng giai cấp công nhân vững mạnh;

2.2 “Giải thưởng Nguyễn Văn Linh” được tổ chức trao tặng hàng năm vào dịp kỷ niệm Ngày thành lập Công đoàn Việt Nam (28/7) hoặc vào dịp khác do Đoàn Chủ tịch Tổng Liên đoàn quyết định;

2.3 Một cá nhân chỉ được trao tặng Giải thưởng 01 lần;

2.4 Đoàn Chủ tịch Tổng Liên đoàn ban hành hướng dẫn riêng về việc xét, trao tặng “Giải thưởng Nguyễn Văn Linh”.

Mục 3

CỤM, KHỐI THI ĐUA

Điều 22. Cụm, Khối thi đua của Liên đoàn Lao động tỉnh

1. Ban Thường vụ Liên đoàn Lao động tỉnh quyết định thành lập Cụm, Khối thi đua cấp tỉnh.

2. Số lượng thành viên trong một Cụm, Khối thi đua phải có từ 5 đơn vị trở lên.

3. Căn cứ quy định của Đoàn Chủ tịch Tổng Liên đoàn, Ban Thường vụ Liên đoàn Lao động tỉnh ban hành hướng dẫn hoạt động Cụm, Khối thi đua hệ thống công đoàn.

Điều 23. Cụm, Khối thi đua của Công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở

1. Ban Thường vụ công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở quyết định thành lập Cụm, Khối thi đua của cấp mình.

2. Số lượng thành viên trong một Cụm, Khối thi đua do Ban Thường vụ công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở quyết định, nhưng tối thiểu phải có 5 thành viên/Cụm, Khối.

3. Căn cứ quy định của Ban Thường vụ Liên đoàn Lao động tỉnh; Công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở ban hành hướng dẫn hoạt động Cụm, Khối thi đua của cấp mình cho phù hợp.

Mục 4

KÍCH THƯỚC CỜ, BẰNG KHEN, GIẤY KHEN

Điều 24. Kích thước Cờ thi đua của LĐLĐ tỉnh

- Kích thước: 750mm x 550mm.
- Chất liệu: Vải sa tanh hai lớp màu đỏ.

Điều 25. Kích thước Bằng khen, Giấy khen

- Kích thước Bằng khen: 330mm x 227mm
- Kích thước Giấy khen: 297mm x 210mm

Chương IV

DANH HIỆU THI ĐUA, HÌNH THỨC KHEN THƯỞNG CỦA NHÀ NƯỚC ÁP DỤNG BÌNH XÉT KHEN THƯỞNG VÀ ĐỀ NGHỊ KHEN THƯỞNG TRONG TỔ CHỨC CÔNG ĐOÀN

Điều 26. Đối tượng áp dụng bình xét khen thưởng và đề nghị khen thưởng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng của Nhà nước trong tổ chức Công đoàn.

1. Cá nhân:

- Cán bộ công đoàn chuyên trách hưởng lương từ tài chính Công đoàn;
- Cán bộ, viên chức, công nhân lao động làm việc trong các doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp do Liên đoàn Lao động tỉnh thành lập.

2. Tập thể:

- Công đoàn cơ sở; Liên đoàn Lao động huyện, thành phố; Công đoàn ngành.
- Công đoàn khu công nghiệp, khu chế xuất; Đơn vị sự nghiệp, doanh nghiệp trực thuộc Liên đoàn Lao động tỉnh;
- Các ban, đơn vị trực thuộc Liên đoàn Lao động tỉnh.

Điều 27. Danh hiệu “Chiến sỹ thi đua toàn quốc”

1. Danh hiệu “*Chiến sỹ thi đua toàn quốc*” được xét tặng cho cá nhân có thành tích xuất sắc tiêu biểu nhất được lựa chọn trong số những cá nhân có 02 lần liên tục đạt danh hiệu “Chiến sỹ thi đua Tổng Liên đoàn”, trong đó có 6 năm liên tục đạt chiến sỹ thi đua cơ sở.

2. Sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học để làm căn cứ xét tặng danh hiệu “Chiến sỹ thi đua toàn quốc” phải đạt hiệu quả cao, có phạm vi ảnh hưởng trong toàn quốc và được Hội đồng sáng kiến, Hội đồng khoa học cấp bộ, ngành, tỉnh, đoàn thể Trung ương xem xét, công nhận, đánh giá mức độ ảnh hưởng của sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học đó.

3. Thời điểm xét phong tặng danh hiệu “Chiến sỹ thi đua toàn quốc” là năm liền kề với năm đạt danh hiệu “Chiến sỹ thi đua Tổng Liên đoàn” lần thứ hai.

Điều 28. Danh hiệu “Chiến sỹ thi đua Tổng Liên đoàn”

1. Danh hiệu “*Chiến sỹ thi đua Tổng Liên đoàn*” được xét tặng cho cá nhân có thành tích xuất sắc tiêu biểu nhất, được lựa chọn trong số những cá nhân có 03 lần liên tục đạt danh hiệu “Chiến sỹ thi đua cơ sở”.

2. Sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học để làm căn cứ xét tặng danh hiệu “Chiến sỹ thi đua Tổng Liên đoàn” phải đạt hiệu quả cao và có phạm vi ảnh hưởng tích cực trong hoạt động Công đoàn ở Bộ, ngành, tỉnh, đoàn thể trung ương.

Hội đồng sáng kiến cấp Liên đoàn Lao động tỉnh có trách nhiệm giúp Ban Thường vụ xem xét, công nhận và đánh giá mức độ ảnh hưởng của sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học đó.

Điều 29. Danh hiệu “Chiến sỹ thi đua cơ sở”

1. Danh hiệu “*Chiến sỹ thi đua cơ sở*” được xét tặng hàng năm cho cá nhân đạt các tiêu chuẩn sau:

- Đạt danh hiệu “Lao động tiên tiến”;

- Có sáng kiến cải tiến kỹ thuật hoặc giải pháp kỹ thuật, giải pháp quản lý và được ứng dụng để tăng năng suất lao động, tăng hiệu quả công tác được cơ sở công nhận hoặc có đề tài nghiên cứu khoa học đã nghiệm thu được áp dụng và được cơ quan, đơn vị công nhận.

Đối với cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp, những đề xuất, sáng kiến mang lại hiệu quả kinh tế - xã hội không thể lượng hóa cụ thể được giá trị bằng tiền, nhưng được Hội đồng sáng kiến, Hội đồng khoa học của đơn vị đánh giá cao, Thủ trưởng đơn vị xác nhận về hiệu quả của sáng kiến đó thì cũng được coi là sáng kiến cấp cơ sở.

2. Việc đánh giá mức độ ảnh hưởng của sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học do Hội đồng sáng kiến, Hội đồng khoa học cấp cơ sở giúp người đứng đầu cơ quan, đơn vị xem xét công nhận.

3. Hội đồng sáng kiến, Hội đồng khoa học cấp cơ sở do Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị có thẩm quyền công nhận danh hiệu “Chiến sỹ thi đua cơ sở” quyết định thành lập.

4. Tỷ lệ cá nhân được xét tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” không quá 15% tổng số cá nhân đạt danh hiệu “Lao động tiên tiến” của cơ quan, đơn vị, cơ sở.

Điều 30. Danh hiệu “Lao động tiên tiến”

1. Tiêu chuẩn danh hiệu “Lao động tiên tiến”

1.1 Cán bộ, công chức, viên chức đạt các tiêu chuẩn sau:

- Hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, đạt năng suất và chất lượng cao;
- Chấp hành tốt chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, của Công đoàn, có tinh thần tự lực, tự cường; đoàn kết, tương trợ, tích cực tham gia phong trào thi đua;
- Tích cực học tập chính trị, văn hóa, chuyên môn, nghiệp vụ;
- Có đạo đức, lối sống lành mạnh.

1.2 Công nhân, người lao động trong các đơn vị sự nghiệp, doanh nghiệp thuộc hệ thống Công đoàn đạt các tiêu chuẩn sau:

- Lao động sản xuất có hiệu quả, tích cực tham gia phong trào thi đua và hoạt động Công đoàn;
- gương mẫu chấp hành tốt chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, các quy định của tổ chức Công đoàn; có đạo đức, lối sống lành mạnh, đoàn kết, tương trợ giúp đỡ mọi người trong cộng đồng.

2. Thời gian để xét tặng danh hiệu “Lao động tiên tiến”

2.1 Cá nhân tham gia chiến đấu, phục vụ chiến đấu hoặc có hành động dũng cảm cứu người, cứu tài sản, bị thương tích cần điều trị, điều dưỡng theo kết luận của cơ sở y tế thì thời gian điều trị, điều dưỡng được tính để xét tặng danh hiệu “Lao động tiên tiến”.

2.2 Cá nhân được cử đi học, bồi dưỡng thời hạn dưới 01 năm, nếu đạt kết quả từ loại khá trở lên, chấp hành tốt quy định của cơ sở đào tạo, bồi dưỡng thì kết hợp với thời gian công tác tại cơ quan, đơn vị để được bình xét danh hiệu thi đua.

Trường hợp đi đào tạo từ 01 năm trở lên, có kết quả học tập từ loại khá trở lên thì năm đó được xếp tương đương danh hiệu “Lao động tiên tiến” để làm căn cứ xét tặng các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng khác.

Trường hợp cá nhân chuyển công tác thì đơn vị mới có trách nhiệm xem xét tặng các danh hiệu thi đua trên cơ sở có ý kiến nhận xét của đơn vị cũ (đối với trường hợp có thời gian công tác ở đơn vị cũ từ 6 tháng trở lên).

2.3 Thời gian nghỉ thai sản theo quy định được tính để bình xét danh hiệu “Lao động tiên tiến”.

3. Trường hợp được điều động, biệt phái đến cơ quan, đơn vị khác trong một thời gian nhất định thì được xem xét bình bầu danh hiệu “Lao động tiên tiến” do cơ quan, đơn vị điều động, biệt phái xem xét quyết định (có ý kiến nhận xét của cơ quan, đơn vị tiếp nhận cá nhân được điều động, biệt phái).

4. Không xét tặng danh hiệu “Lao động tiên tiến” cho trường hợp mới tuyển dụng dưới 10 tháng, nghỉ từ 40 ngày làm việc trở lên, bị kỷ luật từ hình thức khiển trách trở lên.

Điều 31. Danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc”

1. Các tập thể được xét tặng danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc” gồm:

1.1 Các ban thuộc Liên đoàn Lao động tỉnh, Liên đoàn Lao động cấp huyện, Công đoàn ngành cấp tỉnh, Công đoàn khu công nghiệp, khu chế xuất và tương đương.

1.2 Các đơn vị sự nghiệp, các đơn vị sản xuất kinh doanh thuộc tổ chức Công đoàn.

2. Tiêu chuẩn danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc”:

- Sáng tạo, vượt khó hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, thực hiện tốt các nghĩa vụ đối với Nhà nước và Công đoàn;
- Có phong trào thi đua thường xuyên, thiết thực, hiệu quả;
- Có 100% cá nhân trong tập thể hoàn thành nhiệm vụ được giao, trong đó có ít nhất 70% cá nhân đạt danh hiệu “Lao động tiên tiến”;
- Có cá nhân đạt danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” và không có cá nhân bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên;
- Nội bộ đoàn kết, gương mẫu chấp hành chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước và các quy định của tổ chức Công đoàn.

Điều 32. Danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến”

Danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến” được xét tặng cho tập thể đạt các tiêu chuẩn sau:

1. Hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao;
2. Có phong trào thi đua thường xuyên, thiết thực, có hiệu quả;
3. Có trên 50% cá nhân trong tập thể đạt danh hiệu “Lao động tiên tiến” và không có cá nhân bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên;
4. Nội bộ đoàn kết, chấp hành tốt chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước và các quy định của tổ chức Công đoàn.

Điều 33. Khen thưởng cấp Nhà nước

Ban Thường vụ Liên đoàn Lao động tỉnh xem xét trình Đoàn Chủ tịch Tổng Liên đoàn đề nghị Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch nước tặng thưởng Huân chương, Bằng khen, danh hiệu Anh hùng lao động ... cho các tập thể, cá nhân được thực hiện theo quy định tại Luật thi đua, khen thưởng và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật thi đua, khen thưởng hiện hành.

Điều 34. Hội đồng Thi đua – Khen thưởng của Liên đoàn Lao động tỉnh

1. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng của Liên đoàn Lao động tỉnh là cơ quan tham mưu, đề xuất cho Ban Thường vụ Liên đoàn Lao động tỉnh về công tác thi đua, khen thưởng. Số lượng thành viên tối đa không quá 9 người.

2. Cơ cấu Hội đồng gồm:

- Chủ tịch Hội đồng là Chủ tịch Liên đoàn Lao động tỉnh.
- Phó Chủ tịch Hội đồng là đồng chí Phó Chủ tịch Liên đoàn Lao động tỉnh phụ trách công tác thi đua, khen thưởng.
- Thành viên Hội đồng gồm: Trưởng ban Chính sách - Pháp luật Liên đoàn Lao động tỉnh và các thành viên khác do Ban Thường vụ Liên đoàn Lao động tỉnh quyết định.

Giao Ban Chính sách - Pháp luật là Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng của Liên đoàn Lao động tỉnh.

3. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng của Liên đoàn Lao động tỉnh có nhiệm vụ, quyền hạn như sau:

- Tham mưu, đề xuất cho Ban Thường vụ Liên đoàn Lao động tỉnh phát động các phong trào thi đua trong CNVCLĐ của ngành, địa phương.
- Định kỳ đánh giá kết quả phong trào thi đua và công tác khen thưởng; tham mưu việc sơ kết, tổng kết công tác thi đua, khen thưởng; kiến nghị, đề xuất các chủ trương, biện pháp đẩy mạnh phong trào thi đua yêu nước trong CNVCLĐ của ngành, địa phương theo từng năm và từng giai đoạn.
- Tham mưu cho Ban Thường vụ Liên đoàn Lao động tỉnh kiểm tra, giám sát các phong trào thi đua và thực hiện các chủ trương, chính sách pháp luật về thi đua, khen thưởng trong CNVCLĐ và của các cấp công đoàn trong tỉnh.
- Tham mưu cho Ban Thường vụ Liên đoàn Lao động tỉnh quyết định tặng thưởng danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền khen thưởng.
- Hội đồng Thi đua - Khen thưởng hoạt động theo Quy chế do Ban Thường vụ Liên đoàn Lao động tỉnh ban hành.

Điều 35. Hội đồng Thi đua – Khen thưởng của Công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở

1. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng của Công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở là cơ quan tham mưu, đề xuất cho Ban Thường vụ Công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở về công tác thi đua, khen thưởng. Số lượng thành viên tối đa không quá 7 người.

2. Cơ cấu Hội đồng gồm:

- Chủ tịch Hội đồng là Chủ tịch Công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở.
- Phó Chủ tịch Hội đồng là đồng chí Phó Chủ tịch Công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở phụ trách công tác thi đua, khen thưởng.

- Thành viên Hội đồng gồm: Cán bộ phụ trách công tác thi đua, khen thưởng của Công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở và các thành viên khác do Ban Thường vụ Công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở quyết định.

3. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng của Công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở có nhiệm vụ, quyền hạn như sau:

- Tham mưu, đề xuất cho Ban Thường vụ Công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở phát động các phong trào thi đua trong CNVCLĐ của ngành, địa phương.

- Định kỳ đánh giá kết quả phong trào thi đua và công tác khen thưởng; tham mưu việc sơ kết, tổng kết công tác thi đua, khen thưởng; đề xuất các biện pháp đẩy mạnh phong trào thi đua yêu nước trong CNVCLĐ của ngành, địa phương.

- Tham mưu cho Ban Thường vụ Công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở kiểm tra, giám sát các phong trào thi đua và thực hiện các chủ trương, chính sách pháp luật về thi đua, khen thưởng trong CNVCLĐ của ngành, địa phương, cơ sở.

- Tham mưu cho Ban Thường vụ Công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở quyết định tặng thưởng danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền xem xét khen thưởng.

- Hội đồng Thi đua - Khen thưởng hoạt động theo Quy chế do Công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở ban hành.

Chương VI

SỐ LƯỢNG CỜ, BẰNG KHEN, GIẤY KHEN HÀNG NĂM

Điều 36. Cờ thi đua và Bằng khen của Tổng Liên đoàn

1. Cờ thi đua của Tổng Liên đoàn

1.1 Cờ thi đua: Tổng số Cờ thi đua của Tổng Liên đoàn xét tặng cho Công đoàn cơ sở, Công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở không quá 20% (hai mươi phần trăm) tổng số Công đoàn cơ sở và Công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở được tặng “Cờ thi đua của Liên đoàn Lao động tỉnh”.

Căn cứ vào tỷ lệ quy định, Hội đồng thi đua – Khen thưởng Liên đoàn Lao động tỉnh xét chọn và đề nghị Ban Thường vụ Liên đoàn Lao động tỉnh xem xét quyết định.

1.2 Cờ thi đua chuyên đề: Số lượng không quá 01 cờ cho mỗi chuyên đề. Do Hội đồng thi đua – Khen thưởng Liên đoàn Lao động tỉnh xét và đề nghị Ban Thường vụ Liên đoàn Lao động tỉnh xem xét quyết định.

Ngoài ra các chuyên đề khác do Tổng Liên đoàn khen thưởng trong dịp sơ, tổng kết (theo hướng dẫn của Tổng Liên đoàn).

2. Bằng khen của Tổng Liên đoàn

2.1 Bằng khen toàn diện:

- Số lượng Bằng khen Tổng Liên đoàn xét tặng hàng năm cho CĐCS và công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở không quá 1% (một phần trăm) tổng số CĐCS trực thuộc Liên đoàn Lao động tỉnh.

- Số lượng Bằng khen Tổng Liên đoàn xét tặng cho cá nhân không quá 0,2% (hai phần nghìn) tổng số đoàn viên công đoàn thuộc Liên đoàn Lao động tỉnh.

Căn cứ vào số lượng quy định, Hội đồng thi đua – Khen thưởng Liên đoàn Lao động tỉnh sẽ xét chọn những tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc tiêu biểu nhất đề nghị Ban Thường vụ Liên đoàn Lao động tỉnh xem xét đề nghị Tổng Liên đoàn tặng Bằng khen.

2.2 Bằng khen chuyên đề: Số lượng mỗi chuyên đề không quá 04 bằng khen. Do Hội đồng thi đua – Khen thưởng Liên đoàn Lao động tỉnh xét và đề nghị Ban Thường vụ Liên đoàn Lao động tỉnh xem xét quyết định đề nghị Tổng Liên đoàn tặng Bằng khen.

Điều 37. Cờ thi đua và Bằng khen Liên đoàn Lao động tỉnh:

1. Cờ thi đua của Liên đoàn Lao động tỉnh:

1.1 Cờ thi đua toàn diện: Cờ thi đua của Liên đoàn Lao động tỉnh hàng năm xét không quá 2% trên tổng số Công đoàn cơ sở của toàn tỉnh, cụ thể như sau:

- 01 cờ đối với Công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở có dưới 70 Công đoàn cơ sở.
- 02 cờ đối với Công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở có từ 70 Công đoàn cơ sở đến dưới 140 CĐCS và số đoàn viên phải đảm bảo từ 3.000 trở lên.
- 03 cờ đối với Công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở có từ 140 Công đoàn cơ sở trở lên và số đoàn viên phải đảm bảo từ 6.000 trở lên.
- Cùm, khối thi đua: 03 cờ.

1.2 Cờ thi đua chuyên đề: Số lượng không quá 01 Cờ cho mỗi chuyên đề, do Ban chuyên môn tổng hợp đề nghị Ban Chính sách – Pháp luật trình Hội đồng Thi đua - khen thưởng Liên đoàn Lao động tỉnh xét chọn và đề nghị Ban Thường vụ Liên đoàn Lao động tỉnh xem xét quyết định.

2. Bằng khen Liên đoàn Lao động tỉnh:

2.1 Bằng khen toàn diện:

- **Đối với Công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở:**
 - + Cá nhân: Xét không quá 2,5%/tổng số đoàn viên Công đoàn.
 - + Tập thể: Căn cứ tiêu chuẩn, xét chọn không quá 15% tổng số Công đoàn cơ sở trực thuộc (không làm tròn số lẻ).

- Đối với Công đoàn cơ sở trực thuộc Liên đoàn Lao động tỉnh:

+ Cá nhân: Bình chọn trong số đoàn viên đạt tiêu chuẩn đoàn viên công đoàn xuất sắc, số lượng cụ thể như sau:

- Từ 05 đến 30 đoàn viên: 01 bằng khen;
- Từ 31 đến 60 đoàn viên: 02 bằng khen;
- Từ 61 đến 90 đoàn viên: 03 bằng khen;
- Trên 90 đoàn viên: Xét 2,5% trên tổng số đoàn viên

+ Tập thể: Trên cơ sở chấm điểm Công đoàn cơ sở vững mạnh và được tập thể trong khối bình chọn.

* Lưu ý: Đối với các Công đoàn cơ sở đề nghị khen thưởng từ 3 đoàn viên trở lên thì trong đó số đề nghị khen đối với UVBCH không quá 1/3.

2.2 Bảng khen chuyên đề:

Căn cứ tiêu chuẩn quy định hàng năm khen thưởng tối đa không quá 40 bằng khen (tập thể và cá nhân) cho mỗi chuyên đề.

Điều 38. Giấy khen của Công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở và Công đoàn cơ sở

- Công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở tặng giấy khen cho tập thể, cá nhân căn cứ vào dự toán tài chính được duyệt hàng năm nhưng mức tối đa không quá 8% chi hoạt động thường xuyên của đơn vị.

- Công đoàn cơ sở tặng giấy khen cho tập thể, cá nhân được trích từ nguồn kinh phí và đoàn phí công đoàn được sử dụng chi hoạt động phong trào, các đơn vị tự cân đối khen thưởng cho phù hợp, tránh ảnh hưởng đến khoản chi đối với các phong trào khác.

Chương VII THẨM QUYỀN QUYẾT ĐỊNH THỦ TỤC, THỜI GIAN ĐỀ NGHỊ KHEN THƯỞNG Mục 1 THẨM QUYỀN QUYẾT ĐỊNH

Điều 39. Thẩm quyền của Đoàn Chủ tịch Tổng Liên đoàn

Đoàn Chủ tịch Tổng Liên đoàn ủy quyền cho Thường trực Đoàn Chủ tịch quyết định khen thưởng các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng sau:

1. Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp xây dựng tổ chức Công đoàn”;
2. Danh hiệu “Cờ thi đua của Tổng Liên đoàn”;
3. Danh hiệu “Chiến sỹ thi đua Tổng Liên đoàn”;
4. Bằng khen của Tổng Liên đoàn;
5. Bằng Lao động sáng tạo của Tổng Liên đoàn;
6. Danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc” cho các ban, đơn vị sự nghiệp, doanh nghiệp trực thuộc Tổng Liên đoàn; Liên đoàn Lao động cấp huyện và tương đương, đơn vị sự nghiệp, doanh nghiệp trực thuộc Liên đoàn Lao động tỉnh, thành phố, Công đoàn ngành Trung ương và tương đương trực thuộc Tổng Liên đoàn;
7. “Giải thưởng Nguyễn Đức Cảnh” của Tổng liên đoàn;
8. “Giải thưởng Nguyễn Văn Linh” của Tổng Liên đoàn.

Điều 40. Thẩm quyền của Ban Thường vụ Liên đoàn Lao động tỉnh

Ban Thường vụ Liên đoàn Lao động tỉnh quyết định khen thưởng:

1. Danh hiệu “Cờ thi đua của Liên đoàn Lao động tỉnh”;
2. Bằng khen của Liên đoàn Lao động tỉnh;

3. Danh hiệu “Chiến sỹ thi đua cơ sở”, “Lao động tiên tiến”, “Tập thể lao động tiên tiến” cho tập thể, cá nhân ở cơ quan Liên đoàn Lao động tỉnh, Liên đoàn Lao động huyện, thị, thành, Công đoàn ngành; “Tập thể Lao động tiên tiến” cho các doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp thuộc Liên đoàn Lao động tỉnh quản lý.

4. Danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc” cho các ban Liên đoàn Lao động tỉnh.

Điều 41. Thẩm quyền của Thủ trưởng Cơ quan Liên đoàn Lao động tỉnh

Thủ trưởng Cơ quan Liên đoàn Lao động tỉnh quyết định khen thưởng Giấy khen cho cá nhân, tập thể thuộc Cơ quan Liên đoàn Lao động tỉnh.

Điều 42. Thẩm quyền của Ban Thường vụ Liên đoàn Lao động huyện, thị, thành phố; công đoàn ngành

Ban Thường vụ Liên đoàn Lao động huyện, thị, thành phố; Công đoàn ngành quyết định khen thưởng danh hiệu “Công đoàn cơ sở vững mạnh” và Giấy khen.

Điều 43. Thẩm quyền của Ban Chấp hành Công đoàn cơ sở

Ban Chấp hành Công đoàn cơ sở quyết định khen thưởng danh hiệu “Đoàn viên Công đoàn xuất sắc”, “Tổ Công đoàn xuất sắc” và Giấy khen.

Mục 2

**HỒ SƠ ĐỀ NGHỊ KHEN THƯỞNG CÁC DANH HIỆU THI ĐUA,
HÌNH THỨC KHEN THƯỞNG CỦA TỔ CHỨC CÔNG ĐOÀN
VÀ NHÀ NƯỚC**

Điều 44. Hồ sơ đề nghị khen thưởng trong hệ thống Công đoàn gồm có:

1. Tờ trình của Ban Thường vụ, Ban Chấp hành;
2. Danh sách đề nghị khen thưởng;

** Nếu số lượng đề nghị khen thưởng từ 10 trường hợp trở lên, ngoài việc gửi danh sách bằng văn bản, yêu cầu gửi thêm qua địa chỉ mail: bancsplkg@yahoo.com.vn*

3. Tóm tắt thành tích tập thể, cá nhân đề nghị tặng Cờ, Bằng khen;
4. Báo cáo thành tích của tập thể, cá nhân đề nghị khen thưởng;
5. Biên bản họp bình xét thi đua;

6. Văn bản công nhận 02 sáng kiến được áp dụng hiệu quả trong phạm vi cấp cơ sở hoặc Quyết định công nhận danh hiệu chiến sỹ thi đua cơ sở (Bằng khen Tổng Liên đoàn).

Điều 45. Hồ sơ đề nghị tặng Bằng Lao động sáng tạo:

1. Tờ trình của Ban Thường vụ Liên đoàn Lao động tỉnh kèm theo danh sách đề nghị khen thưởng;
2. Báo cáo thành tích của cá nhân đề nghị khen thưởng có xác nhận của các cấp trình khen thưởng;

3. Tóm tắt các giải pháp, sáng kiến của các cá nhân được đề nghị tặng Bằng Lao động sáng tạo;

4. Văn bản họp và kết quả bình xét của Hội đồng Sáng kiến hoặc Hội đồng Khoa học Liên đoàn Lao động tỉnh công nhận giải pháp, sáng kiến gồm:

5. Văn bản công nhận giải pháp, sáng kiến gồm:

- Văn bản công nhận sáng kiến hoặc quyết định công nhận sáng kiến của cấp có thẩm quyền;

- Bằng bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ (nếu có);

- Biên bản nghiệm thu đề tài nghiên cứu khoa học cấp tỉnh, Bộ, ngành Trung ương, Nhà nước kèm theo quyết định thành lập Hội đồng nghiệm thu;

- Văn bản xác nhận hiệu quả kinh tế, xã hội của đơn vị ứng dụng đề tài, sáng kiến.

Điều 46. Hồ sơ đề nghị Tổng Liên đoàn xét trình khen thưởng cấp nhà nước

1. Hồ sơ đề nghị phong tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc” gửi về Liên đoàn Lao động tỉnh 04 bộ và mỗi bộ gồm có:

- Tờ trình;

- Báo cáo thành tích;

- Chứng nhận của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền hoặc ý kiến (bằng văn bản) xác nhận của Hội đồng khoa học, Hội đồng sáng kiến cấp tỉnh, bộ, ngành, đoàn thể trung ương đối với đề tài, sáng kiến, giải pháp đem lại hiệu quả thiết thực;

- Biên bản họp bình xét và kết quả bỏ phiếu kín của Hội đồng Thi đua-Khen thưởng cấp trình khen.

2. Hồ sơ đề nghị xét tặng Huân chương các loại gửi về Liên đoàn Lao động tỉnh 05 bộ và mỗi bộ gồm có:

- Tờ trình kèm theo danh sách đề nghị khen thưởng;

- Báo cáo thành tích của tập thể, cá nhân được đề nghị khen thưởng, có xác nhận của cấp trình khen thưởng;

- Biên bản cuộc họp và kết quả bình xét của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp trình khen.

- Trường hợp cá nhân, tập thể được đề nghị khen thưởng do có phát minh, sáng chế, sáng kiến phải có xác nhận của cơ quan quản lý có thẩm quyền.

3. Hồ sơ đề nghị xét tặng “Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ” gửi về Liên đoàn Lao động tỉnh 04 bộ và mỗi bộ gồm có:

- Tờ trình của kèm theo danh sách đề nghị khen thưởng;

- Báo cáo thành tích của tập thể, cá nhân được đề nghị khen thưởng có xác nhận của cấp trình khen thưởng;

- Biên bản và kết quả bình xét của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp trình khen.

Điều 47. Tuyến trình khen thưởng cấp Nhà nước

Tổng Liên đoàn trình cấp có thẩm quyền khen thưởng đối với: Các ban, đơn vị sự nghiệp, doanh nghiệp thuộc hệ thống Công đoàn do Tổng Liên đoàn thành lập; Liên đoàn Lao động tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Công đoàn ngành Trung ương; Liên đoàn Lao động cấp huyện; Công đoàn ngành cấp tỉnh, Công đoàn Viên chức cấp tỉnh, Công đoàn khu công nghiệp, khu chế xuất; Công đoàn Tổng Công ty và tương đương; Công đoàn cơ sở, cán bộ công đoàn chuyên trách hưởng lương từ tài chính công đoàn, người lao động làm việc thuộc các đơn vị trên.

Tổng Liên đoàn xem xét trình Thủ tướng Chính phủ xét tặng Cờ thi đua đối với Liên đoàn Lao động tỉnh, thành phố dẫn đầu Khối thi đua Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị-xã hội khi có văn bản đề nghị của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố.

Mục 3

THỜI HẠN TRÌNH KHEN THƯỞNG

Điều 48. Thời hạn trình khen thưởng

- Hồ sơ đề nghị khen thưởng toàn diện và chuyên đề gửi về Liên đoàn Lao động tỉnh trước ngày 15/01 hằng năm.
- Hồ sơ đề nghị khen thưởng theo năm học toàn diện và chuyên đề gửi về Liên đoàn Lao động tỉnh chậm nhất ngày 30/7 hằng năm.
- Hồ sơ đề nghị khen thưởng Bằng Lao động sáng tạo gửi về Liên đoàn Lao động tỉnh trước ngày 30/6 hằng năm.
- Hồ sơ đề nghị khen thưởng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, Huân chương gửi về Liên đoàn Lao động tỉnh chậm nhất ngày 30/3 hằng năm.
- Hồ sơ đề nghị khen thưởng Chiến sĩ thi đua toàn quốc gửi về Liên đoàn Lao động tỉnh, chậm nhất ngày 30/6 hằng năm.
- Hồ sơ trình đề nghị Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch nước khen thưởng theo năm học gửi về Liên đoàn Lao động tỉnh trước ngày 15 tháng 8 hằng năm.

CHƯƠNG VIII

QUỸ THI ĐUA KHEN THƯỞNG, MỨC THƯỞNG VÀ QUẢN LÝ QUỸ THI ĐUA KHEN THƯỞNG

Điều 49. Nguồn hình thành Quỹ thi đua, khen thưởng gồm:

- Trích từ Tài chính Công đoàn theo quy định của Tổng Liên đoàn;
- Từ nguồn tài trợ của các cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân;
- Các khoản hỗ trợ của cơ quan quản lý, chính quyền các cấp.

Điều 50. Tiền thưởng kèm theo các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng

1. Cách tính mức tiền thưởng

1.1 Mức tiền thưởng cho tập thể, cá nhân kèm theo các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng trong hệ thống công đoàn được tính như sau:

Mức tiền lương cơ sở chung do Chính phủ quy định đang có hiệu lực vào thời điểm ban hành quyết định khen thưởng nhân với hệ số theo quy định và được làm tròn số lên hàng chục ngàn đồng tiền Việt Nam;

1.2 Hệ số mức tiền thưởng kèm theo các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng được quy định cụ thể (có bảng phụ lục đính kèm).

2. Cấp chi tiền thưởng

- Tiền thưởng kèm theo Quyết định khen thưởng của Nhà nước và của Tổng Liên đoàn do cấp trình Tổng Liên đoàn chi khen thưởng.

- Tổng Liên đoàn chi tiền thưởng cho “Giải thưởng Nguyễn Đức Cảnh”, giải thưởng “Nguyễn Văn Linh” và tiền thưởng cho các tập thể, cá nhân được khen thưởng tại các Hội nghị tổng kết, sơ kết do Tổng Liên đoàn tổ chức.

- Công đoàn ngành Trung ương, Công đoàn Tổng Công ty trực thuộc Tổng Liên đoàn khi quyết định khen thưởng cho tập thể, cá nhân thuộc quyền quản lý trực tiếp của Liên đoàn Lao động tỉnh, thành phố thì có trách nhiệm chi tiền thưởng kèm theo quyết định khen thưởng cho tập thể, cá nhân đó và ngược lại.

- Liên đoàn Lao động tỉnh chi tiền khen thưởng Cờ thi đua và Bằng khen của Tổng Liên đoàn; Cờ thi đua và Bằng khen của Liên đoàn Lao động tỉnh.

- Công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở quy định cụ thể cấp chi tiền thưởng đối với Giấy khen của công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở và công đoàn cơ sở trực thuộc.

3. Tiền thưởng kèm theo danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng

3.1 Trong cùng một thời điểm, cùng một thành tích, một đối tượng nếu đạt nhiều danh hiệu thi đua kèm theo các mức tiền thưởng khác nhau thì nhận mức tiền thưởng cao nhất;

3.2 Trong cùng một thời điểm, một đối tượng nếu đạt nhiều danh hiệu thi đua, thời gian để đạt được các danh hiệu thi đua đó khác nhau thì nhận mức tiền thưởng của các danh hiệu thi đua;

3.3 Trong cùng một thời điểm, một đối tượng vừa đạt danh hiệu thi đua vừa đạt hình thức khen thưởng thì được nhận tiền thưởng của danh hiệu thi đua và của hình thức khen thưởng.

CHƯƠNG IX ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 51. Thu hồi và hủy bỏ các hình thức khen thưởng

1. Cá nhân, tập thể kê khai gian dối trong việc kê khai thành tích để được khen thưởng sẽ bị hủy bỏ quyết định khen thưởng và thu hồi hiện vật, tiền thưởng đã nhận.

2. Căn cứ vào kết luận của cơ quan có thẩm quyền xác định việc tập thể, cá nhân kê khai gian dối để được khen thưởng, cơ quan trình khen thưởng có trách

nhiệm đề nghị cấp có thẩm quyền khen thưởng ban hành quyết định hủy bỏ quyết định khen thưởng và thu hồi hiện vật khen thưởng.

3. Hồ sơ đề nghị hủy bỏ quyết định gồm:

- Tờ trình của cấp trình khen thưởng;
- Báo cáo tóm tắt lý do trình cấp có thẩm quyền hủy bỏ quyết định khen thưởng.

Điều 52. Hiệu lực thi hành

1. Quy chế này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quy chế khen thưởng trong hệ thống Công đoàn tỉnh Kiên Giang ban hành kèm theo Quyết định số 410/QĐ-LĐLĐ ngày 8 tháng 7 năm 2015 của Ban Thường vụ LĐLĐ tỉnh Kiên Giang.

2. Bãi bỏ những quy định trước đây trái với Quy chế này.

Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, các cấp Công đoàn phản ánh kịp thời về Liên đoàn Lao động tỉnh (qua Ban Chính sách – Pháp luật) để tổng hợp trình Ban Thường vụ xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

**TM. BAN THƯỜNG VỤ
CHỦ TỊCH**

Nơi nhận:

- Ban KTCSXH & TĐ-KT TLD;
- TB Ban Dân vận TU;
- Ban TĐ-KT tỉnh Kiên Giang;
- UV Ban Thường vụ LĐLĐ tỉnh;
- Các Ban, bộ phận trực thuộc LĐLĐ tỉnh;
- Các cấp Công đoàn trong tỉnh;
- Lưu VT, CS-PL.



Trần Thanh Việt

Phụ lục 1

**HỆ SỐ MỨC TIỀN THƯỞNG KÈM THEO
DANH HIỆU THI ĐUA VÀ HÌNH THỨC KHEN THƯỞNG**

(Kèm theo Quyết định số 11.4/QĐ-LĐLĐ, ngày 11.1.2018 ban hành Quy chế khen thưởng của Liên đoàn Lao động tỉnh Kiên Giang)

Số TT	Danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng	Hệ số mức tiền thưởng
I	Danh hiệu thi đua	
1	Chiến sĩ thi đua toàn quốc	4,5
2	Chiến sĩ thi đua Tổng Liên đoàn	3,0
3	Chiến sĩ thi đua cơ sở	1,0
4	Tập thể lao động xuất sắc	1,5
5	Tập thể lao động tiên tiến	0,8
6	Lao động tiên tiến	0,3
7	Cờ thi đua Chính phủ	12
8	Cờ thi đua TLĐ: - Toàn diện	8,0
	- Chuyên đề	4,0
9	Cờ thi đua LĐLĐ tỉnh: - Toàn diện	4,0
	- Chuyên đề	2,0
II.	Hình thức khen thưởng	
1	Huân chương Sao vàng: - Cá nhân	46,0
	- Tập thể	92,0
2	Huân chương Hồ Chí Minh: - Cá nhân	30,5
	- Tập thể	61,0
3	Huân chương Độc lập hạng Nhất: - Cá nhân	15,0
	- Tập thể	30,0
4	Huân chương Độc lập hạng Nhì: - Cá nhân	12,5
	- Tập thể	25,0
5	Huân chương Độc lập hạng Ba: - Cá nhân	10,5
	- Tập thể	21,0
6	Huân chương Lao động hạng Nhất: - Cá nhân	9,0
	- Tập thể	18,0
7	Huân chương Lao động hạng Nhì: - Cá nhân	7,5
	- Tập thể	15,0
8	Huân chương Lao động hạng Ba: - Cá nhân	4,5
	- Tập thể	9,0

9	BK của Thủ tướng Chính phủ: - Cá nhân - Tập thể	3,5
		7,0
10	Bằng khen TLD: + Toàn diện: - Cá nhân - Tập thể + Chuyên đề: - Cá nhân - Tập thể	1,0
		2,0
		0,7
		1,4
11	Bằng Lao động sáng tạo	1,3
12	Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp xây dựng tổ chức công đoàn”	0,6
13	Bằng khen LĐLĐ tỉnh: + Toàn diện: - Cá nhân - Tập thể + Chuyên đề: - Cá nhân - Tập thể	0,5
		1,0
		0,4
		0,8
14	Giấy khen của CĐ cấp trên trực tiếp cơ sở: - Cá nhân - Tập thể	0,3
		0,4
15	Giấy khen của Công đoàn cơ sở - Cá nhân - Tập thể	0,15
		0,3